



ĐẠO PHẬT

SỰ BÁT NHÃ



Nói tới đạo Phật, có lẽ cả hành tinh này đã lắm người biết đến, dù là cái biết còn ở nhiều góc độ khác nhau. Có người biết Đạo Phật với một tinh thần lành mạnh, cao trỗi, siêu việt. Cũng lắm kẻ biết, qua sự đánh giá nông cạn, một chiều cho là mê tín dị đoan, chán đời, trốn trách nhiệm ... Từ đó, với người giàu thành kiến, họ cho Đạo Phật như một trong nhiều tệ trạng xã hội, làm băng hoại nếp sống văn hoá của con người. Nhưng trái lại, trên thực tế, nếu không phải vì muốn san bằng một xã hội đầy giai cấp, bất công; lật đổ quan niệm thần quyền của 96 thứ đạo, soi rọi ánh sáng chơn lý, chan rải suối nước từ bi, mở màn cho nhân loại nói chung và nhân dân Ấn độ thời bấy giờ nói riêng, một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của nhân cách, nhân phẩm, nhân đạo, nhân vị, nhân quyền ... đang bị chà đạp giữa con người với con người. Và xa hơn nữa, nếu không vì muốn đưa mình và mọi người thoát khỏi nỗi khổ SANH, GIÀ, BỆNH, CHẾT thì cách đây trên 25 thế kỷ, Thái tử Tất Đạt Đa đã không trải qua 11 năm dấn thân tìm chân lý để trở thành bậc vô thượng chánh đẳng chánh giác, khai mở một con đường được gọi là Đạo Phật như ngày nay.

Đạo Phật, thông qua kinh, luật, luận, với tám vạn bốn ngàn phương pháp tu hành thiết thực đã giúp con người trên khắp năm châu bốn biển, không phân biệt chủng tộc màu da, tháo gỡ được mọi xích xiềng khổ lụy trên cuộc đời. Có sự hướng dẫn của đạo Phật, nền đạo đức trong xã hội được thăng hoa, tinh thần con người lành mạnh, cao trỗi, thánh thiện, đây là mục đích thấp nhất của đạo Phật. Nếu nói xa hơn, đạo Phật còn đưa con người thoát

khỏi nỗi khổ SANH, GIÀ, BỊNH, CHẾT; đứng ngoài vòng cương toả của sự sinh tử luân hồi.

I/ ĐỊNH NGHĨA ĐẠO PHẬT :

1. ĐẠO :

Theo nghĩa thông thường đạo là con đường, là hướng đi như nhân đạo, thiên đạo, súc sanh đạo v.v .. Còn có nghĩa là phương pháp, là bản phận như đạo vua tôi, đạo thầy trò, đạo cha con, đạo chồng vợ ... Nếu hiểu sâu hơn thì là lý tánh tuyệt đối, là bản thể chơn thật, là chơn tâm, Phật tánh của mỗi chúng sanh. Đây mới đúng ý nghĩa đích thực của chữ đạo trong Phật giáo.

2. PHẬT :

Là từ dùng để chỉ cho người giác ngộ. Bất cứ ai giác ngộ đều được gọi là Phật. Người giác ngộ là người đã hoàn tất 3 công hạnh : tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn.

- Tự giác là tự mình tu tập, quán chiếu để thanh lọc nội tâm, chuyển hoá phiền não, thấu triệt tánh tướng như thật của các pháp, tỏ ngộ cội nguồn sanh tử và thoát ly khỏi vòng trầm luân khổ hải đó.

- Giác tha là đem sự giác ngộ của mình ra chỉ dạy, dắt dìu và tạo điều kiện cho chúng sanh tu tập để họ được giác ngộ như mình.

- Giác hạnh viên mãn là thành tựu được mọi hạnh nguyện tự giác, giác tha một cách rốt ráo, toàn diện.

Tóm lại, Đạo Phật là con đường đưa chúng sanh từ vực thẳm phàm phu, trầm luân sanh tử lên đỉnh núi giải thoát sự sanh tử luân hồi. Hay nói cách khác là con đường dẫn đến sự giải thoát, giác ngộ hoàn toàn của một vị Phật.

II/ ĐẠO PHẬT CÓ TỪ HỒI NÀO ? DO AI ?

1. BẢN THỂ :

Đứng về phương diện bản thể thì Đạo Phật có từ vô thủy, nghĩa là có chúng sanh lúc nào đạo Phật có ngay lúc ấy. Bởi vì Phật là chỉ cho bản tánh chơn như, thanh tịnh, sáng suốt, thường hằng của mỗi chúng sanh, nên có chúng sanh là có Phật.

2. LỊCH SỬ :

Tuy nhiên, đứng trên phương diện lịch sử và hạn cuộc tại thế gian này thì đạo Phật xuất hiện cách đây 2548 năm (2004), trước Tây lịch 544 năm (tính từ sau Phật nhập Niết bàn), tại tiểu bang Ca Tỳ La, nằm dưới chân núi Hy Mã Lạp Sơn, thuộc phía Bắc trung Ấn, do Thái tử nước này khai sáng.

III. GIÁO LÝ VÀ SỰ TRUYỀN THỪA CỦA ĐẠO PHẬT :

1. GIÁO LÝ :

Nguồn giáo lý của đạo Phật về sau được chia làm ba tạng : Kinh, Luật và Luận.

- Kinh là những lời thuyết giáo của Phật đối với đệ tử xuất gia và tại gia. Nhằm chỉ dạy các phương pháp tu hành thiết thực, để thanh lọc nội tâm, chuyển hóa lậu hoặc, kiến tạo một cuộc sống an lành, hạnh phúc ngay trong cõi đời này và hướng đến sự giải thoát, giác ngộ ở mai sau.

- Luật là những điều răn cấm của Phật dành cho 2 giới đệ tử xuất gia và tại gia. Mục đích giúp họ ngăn ngừa ác nghiệp, phát huy thiện nghiệp, giữ tâm ý trong sạch, thanh tịnh hầu hoàn thiện nhân cách con người, làm mô phạm đạo đức cho đời và thăng hoa sự nghiệp tu tập, đạt đến định, tuệ viên mãn.

- Luận là những lời giảng giải về nghĩa lý sâu xa, ẩn dụ khó hiểu trong Kinh, Luật Phật do Thánh đệ tử của Ngài biên soạn, nhằm cho mọi người đều thấu triệt chân lý.

2. SỰ TRUYỀN THỪA :

Ba tạng giáo điển trên đây thích ứng đủ mọi căn cơ trình độ thấp cao, sâu cạn của con người. Do đó về sau được các cao Tăng, thạc đức triển khai thành 2 hệ tư tưởng Đại thừa và Tiểu thừa, lưu bố khắp Ấn Độ, truyền rộng ra các nước lân bang. Nhất là thời vua A Dục, một đại đế của Ấn Độ vào thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch, là người có công nhất đối với lịch sử truyền bá Phật giáo trong nước cũng như ngoài nước.

IV. ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐẠO PHẬT :

Không ai có thể phủ nhận rằng đạo Phật với 84.000 pháp môn tu đã mang đậm rất nhiều đặc tính, mà những đặc tính thiết thực nhất, nổi bật nhất có thể nói là :

- Tính nhân bản
- Tính bình đẳng

- Tính vị tha.
- Tính từ bi hỷ xả.
- Tính tự do tư tưởng.
- Tính khoa học thực tiễn.
- Tính không chấp thủ.
- Tính trí tuệ.
- Tính vô ngã.
- Tính tự giác.

1. TÍNH NHÂN BẢN :

Qua lời Phật dạy : “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh” và “ Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành” dù nói lên rằng đức Phật tuy là vị khai sơn ra đạo Phật, là Giáo chủ một tôn giáo lớn, nhưng Ngài không hề cho mình như một vị Thần linh, một Thượng đế đầy quyền năng, ban phước giáng họa cho con người như bao nhiêu tôn giáo khác. Trái lại, thông qua giáo lý nhân quả, nghiệp báo Ngài còn đề cao khả năng phi thường của con người, coi con người là trung tâm điểm, là Thượng đế duy nhất, toàn quyền thưởng phạt cho chính mình một cuộc sống khổ hay vui. Trong số 6 loài chúng sanh ở cõi dục, Ngài cho con người là có tiềm năng ưu việt nhất trong việc tu tập giải thoát. Đồng thời, còn cho con người có một kho tàng trí tuệ vô giá, nếu biết sử dụng nó thì mở được cánh cửa Niết Bàn. Điều này chính Ngài là nhân vật điển hình hùng hồn nhất. Ngài còn nói : “Nhu Lai chỉ là người đưa đường, mỗi người phải tự đi đến, không ai có thể đi thế cho ai được” v.v... Rất nhiều và rất nhiều điều khác nữa, trong Tam tạng giáo điển Phật, nhưng bấy nhiêu đó cũng đủ nói lên tính nhân bản của đạo Phật triệt để đến mức nào !

2. TÍNH BÌNH ĐẲNG :

Xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ rất khắc khe về giai cấp. Nhưng đối với Phật, tuy xuất thân từ giai cấp thứ 2, giai cấp vua chúa, song Ngài vẫn chủ trương : “Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn”. Cụ thể nhất là trong hàng đệ tử của Ngài có đủ hạng người trong 4 giai cấp, cũng có đủ mọi thành phần giàu, nghèo, tốt, xấu, sang, hèn, ngu, trí v.v... trong xã hội Ấn, cùng sống chung nhau trong tinh thần lục hòa cộng trụ, mặc dù Ngài bị rất nhiều sự phản đối, từ nhiều phía, trước chủ trương san bằng giai cấp của Ngài. Không những thế, đối với sự sống của loài vật, Ngài cũng không quên bảo vệ sự sinh tồn của chúng, nên đã không chấp nhận sự sát hại hay đối xử với chúng tệ bạc, thất nhân tâm.

3. TÍNH VỊ THA :

Nói đến vị tha, tất nhiên đã có sẵn trong tinh thần bình đẳng. Tuy nhiên để sáng tỏ vấn đề hơn chúng ta có thể nêu lên một vài trường hợp vị tha cụ thể trong cuộc đời của Phật, như là việc từ bỏ ngai vàng, con xinh, vợ đẹp và mọi sung sướng nhất trên đời để đi tìm con đường cứu mình, cứu người ra khỏi sanh, già, bệnh, chết. Rồi sau khi thành đạo, Ngài đã vì chúng sanh đi thuyết pháp giảng đạo suốt 49 năm, cho đến giờ phút sắp Niết Bàn vẫn còn độ ông Tu Bạt Đa La ngoài 80 tuổi. Đức Phật há đã không phân bổ, khuyến dạy năm anh em Kiều Trần Như, sau khi đắc quả A La Hán, đi du hóa chúng sanh : “Này các Tỳ-kheo! Hãy đi du hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì sự lợi ích, an lạc cho chư Thiên và loài người” sao ? Từ đó đạo Phật hòa nhập vào dòng sống của loài người trên suốt 25 thế kỷ, trải rộng ra khắp năm châu. Nguồn giáo lý sơ đẳng của đạo Phật đã dạy con người sống quên mình vì người khác, thể hiện một cách thiết thực, qua việc bố thí, cúng dường, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng và thừa hành các điều cấm giới ... Nhờ đó phẩm chất con người được nâng cao, thiết lập một gia đình đầy an lạc, hạnh phúc; góp phần không nhỏ trong việc xây dựng một xã hội văn hóa, lành mạnh, đạo đức, trật tự và thanh bình. Xa hơn nữa đạo Phật còn hướng dẫn con người tu tập đạt đến sự giải thoát giác ngộ. Cho nên phải nói rằng nếu không vì chúng sanh, thì đạo Phật không có mặt trên cuộc đời.

4. TÍNH TỪ BI HỖ XẢ :

Từ bi hỷ xả còn gọi là Tứ vô lượng tâm, là một trong vô vàn pháp tu căn bản của người con Phật. Đối với chúng sanh, tâm từ được trải rộng như thế nào thì chúng ta hãy đọc lời Phật dạy sau đây : “*Vị ấy tâm an trú biến mãn một phương cho đến mười phương với tâm từ, bi, hỷ, xả quảng đại vô biên, không sân, không hận ... đối với mọi hình thức của sự sống, không bỏ qua và bỏ sót một ai mà không biến mãn với tâm giải thoát cùng với tâm từ, bi, hỷ, xả*” (Trường bộ kinh I). Đạo Phật với lịch sử truyền thừa trên 25 thế kỷ, không hề gây đau khổ hay đổ máu cho một ai; cũng không hề gây chiến tranh, tang tóc cho một dân tộc nào, dầu rằng đạo Phật đã từng bị ngoại đạo tàn sát, tiêu diệt trên chính nơi quê cha đất tổ của mình vào thế kỷ thứ XIII/ TL. Đạo Phật chủ trương lấy nước từ bi tưới tắt lửa hận thù, lấy đức khoan dung, hỷ xả tha thứ cho người đầy tội lỗi. Ở đâu có đau khổ là nơi đó có sự giả tình thương của đạo Phật mang đến chất liệu an vui cho người, không điều kiện. Vì vậy đạo Phật được mệnh danh là đạo từ bi hay đạo của hòa bình thế giới.

5. TÍNH TỰ DO TƯ TƯỞNG :

Đạo Phật không có hệ thống tín điều, không lấy tín điều làm căn bản như

hầu hết các tôn giáo khác. Đạo Phật, mặc dù có những điều răn cấm dành riêng cho đệ tử tại gia và xuất gia để ngăn ác, hành thiện, nhưng đặt trên cơ sở tự nguyện, tự giác thay vì giáo quyền. Đức tin của đạo Phật luôn đi đôi với cái “*thấy*”. Chính Đức Phật cũng đã nói : “*Pháp của ta là đến để mà thấy, chứ không phải đến để mà tin*”. Và đức Phật cũng đã dạy cho dân Kàlama, được các học giả phương Tây coi như là bản tuyên ngôn về tự do tư tưởng, như sau : “*Này các Kàlama đừng để bị dẫn dắt bởi những báo cáo, hay bởi truyền thống hay bởi tin đồn. Đừng để bị dẫn dắt bởi thẩm quyền kinh điển, hay bởi lý luận suông hay bởi suy lý, hay bởi sự xét đoán bề ngoài, hay bởi vì thích thú trong những lý luận, hay bởi những điều dường như có thể xảy ra hay bởi ý nghĩ đây là bậc Đạo sư của chúng ta. Nhưng này các Kàlama, khi nào các ông biết chắc rằng những điều ấy là thiện, là tốt hãy chấp nhận và theo chúng*” (Kinh Tăng Chi I). Và Ngài còn nói : “*Tin ta mà không hiểu ta là phỉ báng ta*”.

Con đường thực hành của đạo Phật, trước hết là *chánh kiến*. Nhờ chánh kiến mà người con Phật thăng bước trên lộ trình dẫn đến giải thoát giác ngộ, không sợ lạc lối sa chân vào *tà kiến*, đưa đến mê tín dị đoan, cuồng tín hay đức tin mù quáng, gây tai họa cho loài người.

6. TÍNH KHOA HỌC THỰC TIỄN :

Đạo Phật được tiếng là đạo “sống”, là phương thức sống, lẽ sống, lối sống. Giáo lý của đạo Phật là nhằm để thực dụng chứ không phải để trang trí cho tòa lâu đài tư tưởng triết lý suông. Người con Phật không hề ngồi đó chờ đợi sự *ban cho* hay *y lại* vào đức Giáo chủ của mình, mà trải thân thực nghiệm chân lý như người bệnh tự nguyện uống thuốc. Thật vậy, nếu chúng ta có thực hiện được giới “*không sát sanh*” trong 5 giới của người cư sĩ thì ta sẽ không làm tổn hại mạng người, không giết hại sinh mạng loài vật, như vậy là ta có dư *tinh thần nhân ái, nhân bản, nhân quyền* lại còn khỏi gây thù kết oán, khỏi bị công an theo dõi, bắt bớ, tù tội hoặc không bị mắc các chứng bệnh nan y bất trị, không bị thọ mạng ngắn ngủi v.v... Nếu như ta không tham đắm của cải vật chất, tiền tài, danh vọng, địa vị ... thì ta khỏi khổ vì phải tìm phương này, kế kia để kiếm cho ra nó rồi bám giữ lấy nó, chấp thủ nó. Nếu như ta đừng nuôi tiếc quá khứ, đừng mơ tưởng, kỳ vọng tương lai mà cứ sống với những gì *đang có, đang là* ngay phút giây hiện tại này thì đỡ khổ biết mấy !

*“Đừng tìm về quá khứ,
Đừng tưởng tới tương lai.
Quá khứ đã không còn,
Tương lai thì chưa đến.
Hãy quán chiếu sự sống,
Với phút giây hiện tại này”*

(Trung bộ Kinh)

Nói chung là ta thực hiện lời Phật dạy được chừng nào thì ta được sự an vui, giải thoát chừng nấy, ngay trong cuộc đời này, hiện tại hôm nay, chứ không chờ đến kiếp sau, đó là một sự thật, một sự thật rất khoa học.

7. TÍNH KHÔNG CHẤP THỦ :

Lý tưởng tối hậu của đạo Phật là đạt đến giải thoát, giác ngộ nên đạo Phật chủ trương sống không chấp thủ. Trong kinh Kim Cang, Phật dạy : *“Pháp còn phải bỏ huống là phi pháp”* pháp là những phương pháp tu tập dẫn đến giải thoát, giác ngộ. Nhưng khi đạt đến giải thoát, giác ngộ rồi, thì những phương pháp ấy còn phải bỏ, huống nữa là phi pháp, tức là những điều không tốt, không chánh đáng, có hại cho mình, cho người. Người con Phật không chấp thủ vào cái *“tôi”* để khỏi đau khổ về mọi đòi hỏi của nó, mọi đổi thay sinh diệt của nó. Không chấp thủ vào cái *“của tôi”* như vợ con, của cải, vật chất, tiền tài, danh vọng, địa vị v.v... để khỏi khổ vì sự được thua, còn mất của nó. Không chấp thủ về quan điểm, lập trường, lý tưởng v.v... để khỏi khổ vì trái ý, nghịch lòng, sân si ... do sự bất đồng quan điểm, ý kiến ...

Tinh thần không chấp thủ của đạo Phật luôn được hàng đệ tử Ngài áp dụng tu tập thực tiễn. Cấp độ áp dụng tu tập càng cao, càng giải tỏa được mọi áp lực, ức chế của đời sống lên trên tâm lý; càng có thái độ cởi mở, rộng rãi, bao dung là càng được thoải mái, khinh an, tự do, giải thoát. Thiếu tinh thần không chấp thủ, không thể đạt đến giải thoát, giác ngộ.

8. TÍNH TRÍ TUỆ :

Phương châm của đạo Phật là: *“Duy tuệ thị nghiệp”* nghĩa là chỉ có trí tuệ mới là sự nghiệp của người tu. Cho ta thấy, trí tuệ đối với đạo Phật quan trọng thế nào? Tuy nhiên, ta cũng phải biết trí tuệ này là trí tuệ nào? Vì ở thế gian những người thông minh lịch lãm, hiểu rộng, tài cao, trong tay có nhiều bằng cấp, như các nhà nghiên cứu, bác học, khoa học, triết học, học giả thế học và đạo học v.v... cũng được gọi là người trí tuệ. Bởi, nhờ có trí tuệ của họ mà nền văn minh nhân loại ngày được nâng cao tốt đẹp, nào các công nghệ thông tin hiện đại, các thiết bị kỹ thuật tối tân, các phương tiện giao thông siêu tốc, các nghiên cứu khoa học có giá trị bất hủ v.v... phục vụ đời sống vật chất con người đầy tiện nghi, sung sướng, sang trọng, dư thừa. Mặc dù mặt trái của nó cũng có quá nhiều sản phẩm độc hại như vũ khí giết người hàng loạt, các chất gây say nghiện, các phim ảnh, sách báo đồi trụy v.v... đã lôi cuốn một bộ phận trẻ lún sâu vào con đường sa đọa, tội lỗi. Với một thứ trí tuệ còn tương đối như thế, cộng thêm người được mang danh nó vẫn còn nhiều đau khổ bởi tham ái, chấp thủ; bởi tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến và trôi lăn trong đường sanh tử như bao nhiêu người khác. Do đó trí tuệ của đạo Phật chắc chắn không phải là thứ trí tuệ thế gian này. Trí tuệ của đạo Phật là trí tuệ

(Bát Nhã) được lưu xuất từ Phật tâm của chúng ta, có công năng thấu rõ tánh tướng như thật các pháp. Nó là nhân tố thiết yếu đưa hành giả đến giải thoát, giác ngộ. Thấu rõ tánh tướng như thật của các pháp là thế nào ? Là thấu hiểu một cách tận tường, sâu sắc về vạn sự vạn vật nói chung và con người nói riêng đều do duyên hợp của nhiều yếu tố. Nó không có tính chủ thể gọi là vô ngã; nó không thường nhất và luôn đổi dời, sinh diệt theo chu trình thành, trụ, hoại, không gọi là vô thường nên nó không có tự tánh. Đây là bản chất cố hữu và rất thật của các pháp, không ai dám phủ nhận điều đó.

Người có trí tuệ Bát Nhã là người nhìn hiện tượng sự vật dưới dạng duyên sinh giả hợp, không có tự tánh như thế và cũng là người biết khổ, biết cội nguồn của khổ, biết con đường đưa đến hết khổ.

9. TÍNH VÔ NGÃ :

Thông qua lăng kính Bát Nhã (trí tuệ), đạo Phật nhìn hiện tượng sự vật dưới dạng “giai không” (tất cả đều không) hay nói một cách khác tất cả đều không có tự tánh. **Không** ở đây không có nghĩa là không có sự hiện diện của vật, mà nó nói lên tính **rất thật, bản chất** của mọi sự vật; đó là tính duyên sinh y tha khởi của các pháp. Thí dụ, phân tích về một con người, ta thấy có hai thành phần kết hợp : thể xác và tinh thần. Thiếu một trong 2 thành phần ấy, không thể có con người. Không có tính chủ thể là như vậy, tức không có cái nào là chủ của thân. Nếu tiếp tục phân tích về thân xác con người, đạo Phật khẳng định nó do 4 thứ : đất (chất rắn), nước (chất lỏng), gió (hoi thờ), lửa (nhiệt độ) duyên hợp hình thành, thiếu một trong bốn thứ này, không thể có thân xác con người được. Nói chung, tất cả vạn sự vạn vật trên hành tinh này đều không có tự tánh.

Thấm thấu được tính vô ngã của hiện tượng sự vật và con người như thế, người con Phật sẽ không còn đam mê ngũ dục, sẽ đoạn trừ tham ái, chấp thủ về “tôi” , cái “của tôi một cách dễ dàng và sử dụng vật chất như là phương tiện sống. Nhờ vậy mọi cái khổ đều được khai trừ, con đường an vui, giải thoát được thiết lập ngay trong cuộc đời hiện tại này, không cần chờ đến kiếp sau.

10. TÍNH TỰ GIÁC :

Với chủ trương nhân quả – nghiệp báo, đạo Phật không thừa nhận bất cứ một mặc khải nào, mà cho rằng con người có trách nhiệm trước mọi khổ đau hay hạnh phúc của chính mình. Phật dạy : *“Chính ta là kẻ thừa kế hành động của ta, là người mang theo với mình hành động của chính mình” (Tap A Hàm)*. Ngài còn nói : *“Như Lai chỉ là người chỉ đường, mỗi người phải tự đi đến, không ai đi thế cho ai được”* và *“Này các Tỳ-kheo ! Hãy tự mình thấp*

đuốc lên mà đi, thấp lên ngọn đuốc chánh pháp ... Hãy tự mình làm chỗ nương tựa cho chính mình, nương tựa với chánh pháp, đừng nương tựa với bất cứ pháp nào” (Trường Bộ Kinh I). Vì vậy người con Phật không ỷ lại vào đức từ phụ của mình ban ân sủng, mà luôn tự mình áp dụng các phương pháp tu tập thiết thực để đoạn tận tham ái, chấp thủ; chuyển hóa phiền não tham, sân, si với tất cả sự nỗ lực của chính mình.

V. MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠO PHẬT :

1. ĐỐI TRỊ TÂM BỆNH :

Con người, ngoài thân bệnh còn tích lũy rất nhiều tâm bệnh. Mỗi khi trái gió trở trời (đối cảnh thuận nghịch) nó phát ra, hành hạ con người mất hết nhân tính, gây tai hại nghiêm trọng cho chính mình, tha nhân, gia đình và xã hội. Nó là tham lam, sân hận, si mê ; là ngã mạn, ác kiến, tham dục, chấp thủ v.v... Nói chung có tới 84.000 căn bệnh nặng nhẹ khác nhau, nhưng bản chất không ngoài di hại, đau khổ. Đối với những chứng bệnh tiềm nhiễm lâu đời trở thành mãn tính thì rất khó trị, khó trừ. Nhưng nó lại là nguyên nhân khiến con người lòng vòng trong 3 cõi, 6 đường và là tác nhân của mọi sai biệt về đời sống khổ vui, đẹp xấu, sang hèn, thông minh hay dốt nát v.v... của loài người trên cõi dục. Đức Phật, sau khi giác ngộ đã tự nguyện làm vị Y Vương, trị tâm bệnh cho chúng sanh. Chúng sanh bệnh gì thì Ngài cho thuốc đặc trị bệnh nấy, như tham lam thì Ngài cho uống thuốc vô thường, bố thí ; sân hận thì Ngài cho uống thuốc từ ái, khoan dung. Si mê thì Ngài cho uống thuốc chánh kiến, trí tuệ; ngã mạn thì Ngài cho uống thuốc cung kính, khiêm hạ; chấp thủ thì Ngài cho uống thuốc buông xả, vô ngã ; ái dục thì Ngài cho uống thuốc quán bất tịnh, 12 nhân duyên ; loạn động thì Ngài cho uống thuốc quán số tức, trụ tâm vào 1 đối tượng, v.v... Tóm lại, là Ngài có tới 84.000 phương thuốc, đặc trị cho 84.000 tâm bệnh của chúng sanh. Thuốc của Ngài vô cùng hiệu lực, nếu chúng ta chịu uống, thì nhất định chóng chầy gì cũng hết bệnh, cũng sẽ phục hồi lại con người chân, thiện, mỹ. Cao hơn nữa là đạt đến đạo đức của các bậc Thánh, các bậc giải thoát, giác ngộ. Ngày nay, tuy đức Phật đã nhập Niết bàn, nhưng kho tàng giáo điển của Ngài là cả một kho thần đơn diệu dược, nên muốn hết bệnh, hết khổ chúng ta phải tùy tâm bệnh của mình mà tự giác chọn thuốc uống lấy. Hay nói đúng hơn là nương vào các phương pháp của Phật dạy, ứng dụng tu tập, điều phục nội tâm, chuyển hóa lậu hoặc để đạt đến chí thiện, đến giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

2. HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH :

Giáo lý sơ đẳng của đạo Phật là dạy người ta phương thức sống, lối sống, lẽ sống rất thực tế để hoàn thiện đạo đức của người con Phật tại gia, cũng là đạo đức của một con người trong xã hội. Phương thức sống ấy là :

“Không sát sanh.
Không trộm cắp.
Không tà dâm.
Không nói dối, nói thêu dệt, nói đâm thọc, nói hung ác.
Không uống rượu và sử dụng ma túy.”

Và: “Tránh tất cả điều ác,
Làm tất cả điều lành.
Giữ tâm ý trong sạch, thanh tịnh
Ấy là lời Phật dạy”

Người Phật tử hay không Phật tử nếu ứng dụng những điều trên đây vào cuộc sống đời thường thì nhất định đạo đức được thăng hoa, nhân phẩm được hoàn thiện. Đây là nền tảng của tất cả mọi thành công trên trường đời và cũng là nhân tố thiết yếu để cấu tạo một xã hội trật tự, thanh bình, chân thiện mỹ. Đồng thời thiết lập một cuộc sống gia đình đầy hạnh phúc, an vui.

3. GIẢI THOÁT GIÁC NGỘ :

Giải thoát là ra khỏi mọi ràng buộc, bám níu và mê muội về 2 phương diện vật chất lẫn tinh thần. Vật chất thì sự trói buộc về cái “tôi” và cái “của tôi” , tinh thần thì sự sai sử của 10 kiết sử : tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến là những thứ làm cho con người trôi lăn trong vòng sanh tử.

Giác ngộ là thấu triệt cội nguồn sanh tử và con đường thoát ly khỏi vòng trầm luân khổ hải đó. Đồng thời dứt hẳn chúng sanh đều lìa sanh tử như mình. Đức Phật Thích Ca đã trải qua 11 năm tầm tu học đạo cũng chỉ vì mục đích duy nhất này. Với tất cả sự nỗ lực của tự thân, cuối cùng Ngài đạt đến mục đích. Từ đó cho tới 49 năm sau, Ngài thuyết pháp khắp nơi cũng chỉ vì muốn cho chúng sanh được “khai, thị, ngộ, nhập, Phật tri kiến”, tức là cũng được giải thoát, giác ngộ như Ngài. Cho nên giải thoát, giác ngộ là mục tiêu tối hậu của đạo Phật và người tu theo hạnh Phật .

Phương pháp ứng dụng tu tập dẫn đến giải thoát giác ngộ là giới, định, tuệ, là đoạn tận tham ái, chấp thủ về “tôi” và cái “của tôi” và chuyển hóa toàn bộ 84.000 phiền não. Cố nhiên trên quá trình ứng dụng tu tập đó không thể một sớm một chiều mà thành đạt. Vì vậy người con Phật phải kiên nhẫn, phải từng bước tháo gỡ trói buộc và hàng phục tham, sân, si ... Sự tháo gỡ, hàng phục đó thực hiện được chừng nào thì kết quả hạnh phúc, an lạc, giải thoát đến với chúng ta chừng nấy và tất nhiên là đến ngay trong cuộc sống thực tại

này.

KẾT LUẬN :

Tóm lại, trong bất cứ thời đại văn minh hay chậm tiến nào ta cũng có thể nói đạo Phật là của con người, cho con người, dù nó có dành cho hết thầy chúng sanh, nhưng con người vẫn là trung tâm điểm. Thái tử Tất Đạt Đa xuất gia cũng chính vì con người : *“Làm sao cho con và mọi người trẻ mãi không già. Làm sao cho con và mọi người khỏe hoài không bệnh. Làm sao cho con và mọi người sống hoài không chết. Làm sao con và mọi người dứt hết khổ đau”*. Đây là 4 điều kiện mà Thái Tử đã đưa ra, khi phụ vương Ngài không đồng tình cho Ngài đi tìm chân lý. Nhưng rồi sau đó Ngài đã đem ánh sáng trí tuệ đạo Phật soi sáng cho một xã hội đầy giai cấp, bất công, đầy thần quyền, tà kiến ; mở mang cho nhân dân Ấn Độ hướng tới một chân trời mới, chân trời của tình thương, trí tuệ, bình đẳng, nhân đạo và vị tha v.v...

Trải dài theo dòng thời gian, trong suốt trên 25 thế kỷ, đạo Phật đã được truyền bá khắp mọi nơi, Đông phương rồi lại Tây phương. Đến đâu đạo Phật cũng hòa mình vào lòng dân tộc nước đó để cải tạo, bổ sung, nâng cấp cho nền văn hóa của họ ngày một thăng hoa, sáng lạng. Bên cạnh đó người con Phật còn được hướng dẫn ứng dụng lời Phật dạy trong việc tu tập để hoàn thiện nhân cách con người, góp phần xây dựng một xã hội lành mạnh, chân thiện, trang bị cho gia đình có lối sống hạnh phúc, an vui. Đi xa hơn nếu muốn đứng ra ngoài bờ sanh bên tử, người con Phật còn phải nỗ lực hàng phục bản năng dục vọng, tham ái, chấp thủ ; chuyển hóa toàn bộ phiền não tham, sân, si ... một cách thực tiễn. Đây há không phải đạo Phật là một đạo sống, một phương thức sống, lẽ sống, lối sống của con người đó sao ?!

